

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Âm – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Vân N, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Số 54B, ấp B, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Tuấn D, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Số 319A, Khu phố M, Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Dương Vân N trình bày:

Bà và ông Phạm Tuấn D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/5/2019, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông D thường xuyên cờ bạc, rượu chè dẫn đến bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc, bà và ông D đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: bà và ông D có 01 con chung tên Phạm Tuấn D, sinh ngày: 17/6/2021, do hiện nay con chung đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phạm Tuấn D để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Vân N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Vân N về việc tranh chấp ly hôn với ông Phạm Tuấn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Dương Văn N khởi kiện ông Phạm Tuấn D yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Tuấn D là bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà Dương Văn N có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Tuấn D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Văn N và ông Phạm Tuấn D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/5/2019, hôn nhân tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà N cho rằng mâu thuẫn là do ông D thường xuyên cờ bạc, rượu chè dẫn đến bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc, bà và ông D đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông D để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng ông D vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thể hiện ông D không muốn hàn gắn, đồng thời bà N và ông D đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông D là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Văn N đối với ông Phạm Tuấn D.

[3.2] Về con chung: Bà Dương Văn N và ông Phạm Tuấn D có 01 con chung tên Phạm Tuấn D, sinh ngày: 17/6/2021, sau khi ly hôn bà N yêu cầu trực tiếp nuôi

đưỡng con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện con chung đang sinh sống chung với bà N, ông D không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của bà N và việc giao con chung cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà Dương Văn N không yêu cầu ông Phạm Tuấn D cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Dương Văn N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Dương Văn N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Dương Văn N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Văn N đối với bị đơn ông Phạm Tuấn D về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Văn N được ly hôn với ông Phạm Tuấn D.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Tuấn D, sinh ngày: 17/6/2021 cho bà Dương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Dương Văn N không yêu cầu ông Phạm Tuấn D cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Tuấn D được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Dương Vân N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Dương Vân N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Dương Vân N phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002917 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Dương Vân N đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Vân N và ông Phạm Tuấn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND Phường N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Út